TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1139/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;

Căn cước công dân: 025074004588 do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/10/2023.

Địa chỉ thường trú: 389/27/46 Lê Văn K, tổ B, khu phố F (khu phố B cũ), phường T (phường H, quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 131/39 Trần Thị H, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mai Thị Hải Y, sinh năm 1977;

Căn cước công dân: 001177032908 do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/8/2022.

Địa chỉ thường trú: 389/27/46 Lê Văn K, tổ B, khu phố F (khu phố B cũ), phường T (phường H, quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 131/39 Trần Thị H, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Hải Y là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số

14/2011, quyển số 01/2009 do UBND xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội (nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội), cấp ngày 22/02/2011.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 11/11/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/12/2025; Ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Hải Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 27/12/2018 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và bà Y tự thỏa thuận không yêu cầu ông T cấp dưỡng; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Hải Y tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Hải Y nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 26/12/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Hải Y thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2011, quyển số 01/2009 do UBND xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội (nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội), cấp ngày 22/02/2011, cấp ngày 22/02/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 08/5/2010 và Nguyễn Anh T1 sinh ngày 27/12/2018 giao cho bà Mai Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông T, bà Y phải nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông T, bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0040053 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND xã P, Thành phố Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2011, quyển số 01/2009 ngày 22/02/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo